

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019/QĐ-UBND
ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện một số nội dung công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam, hộ gia đình.
2. Cơ quan Nhà nước.
3. Lực lượng vũ trang nhân dân.
4. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế.
5. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức Quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh gọi tắt là: Cơ quan cấp tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh gọi tắt là: Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh.
2. Các huyện, thành phố, thị xã gọi tắt là: Cấp huyện.
3. Các xã, phường, thị trấn gọi tắt là: Cấp xã.
4. Đơn vị trực thuộc là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, doanh nghiệp.
5. Đơn vị thành viên là đơn vị trong một khối, cụm thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một nội dung thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

Đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 3 Nghị định số

91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) và các quy định tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV) và các quy định sau:

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn được khen thưởng mức cao hơn. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền, đề nghị cấp trên khen thưởng đối với trường hợp đạt thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

3. Đối với việc khen thưởng tổng kết năm:

a) Trong một thời điểm, một đối tượng chỉ đề nghị một danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cấp tỉnh, một danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, không đồng thời đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (trừ trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo niên hạn);

b) Trong một năm, cùng một đối tượng đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích thực hiện chuyên đề có thời gian thực hiện dưới 03 năm thì không tiếp tục xét khen thưởng thành tích công tác năm và ngược lại;

c) Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”; tập thể, cá nhân được tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước sau 02 năm mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích công tác năm.

4. Đối với việc khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề:

a) Chủ yếu phát huy thẩm quyền khen thưởng cấp cơ sở; trường hợp tiêu biểu, xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh mới đề nghị cấp trên khen thưởng;

b) Chỉ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia phong trào thi đua chuyên đề. Các đối tượng tham gia gián tiếp (lãnh đạo, chỉ đạo) thì thành tích tham gia chuyên đề xét chung vào thành tích hàng năm tại cơ quan, đơn vị công tác;

c) Trong một năm tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua chuyên đề có thời gian dưới 03 năm chỉ đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng 01 lần. Đối với chuyên đề có thời gian từ 03 năm trở lên do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đối với khen thưởng đột xuất

a) Địa phương, đơn vị nơi tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất tiến hành khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Cùng một thành tích đột xuất nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân và ngược lại, ưu tiên xét khen thưởng cho cá nhân (trừ trường hợp lập được thành tích đặc biệt xuất sắc thì xét khen cho cả tập thể và cá nhân lập được thành tích xuất sắc).

Điều 5. Những trường hợp không tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất)

1. Đối với tập thể

a) Không đăng ký thi đua, không phát động và tổ chức các phong trào thi đua, không tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định; không thực hiện chương trình công tác đã đăng ký với cấp có thẩm quyền; đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng trong năm không tổ chức sơ kết, tổng kết năm theo quy định;

b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);

c) Không chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tỉnh, của ngành, địa phương;

d) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

đ) Chưa khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho tập thể đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét hình thức kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

2. Đối với cá nhân

a) Không đăng ký thi đua;

b) Không chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

d) Chưa khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét hình thức kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

3. Các phong trào thi đua chuyên đề không có kế hoạch tổ chức, phát động phong trào không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu, thời gian thực hiện và chưa có hướng dẫn về tiêu chí, số lượng khen thưởng được cấp có thẩm quyền khen thưởng đồng ý.

Điều 6. Đăng ký thi đua

1. Đối với phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh do Chủ tịch UBND tỉnh phát động từ đầu năm: Các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Khối thi đua xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể và đăng ký Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của

UBND tỉnh đối với tập thể; danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh đối với cá nhân, gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 30/01 hàng năm; khối các trường học gửi trước ngày 30/9 hàng năm.

2. Đối với việc tổ chức thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải xây dựng kế hoạch cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, nội dung chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và đăng ký nội dung tổ chức phong trào thi đua với UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA, CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Thi đua chuyên đề tổ chức trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền; trường hợp phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, hướng dẫn, tham mưu UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và những nội dung sau:

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, thực hiện. Nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, người lao động và quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua, chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm, cách làm hay trong các đối tượng tham gia thi đua. Trong tổ chức thực hiện chú trọng đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra.

4. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

5. Tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua. Đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm. Kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua.

6. Việc tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề của tỉnh do sở, ban, ngành, đoàn thể chủ trì báo cáo UBND tỉnh về kế hoạch tổng kết. Khi có kế hoạch tổng kết của UBND tỉnh, các đơn vị thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng để xây dựng tiêu chí xét khen thưởng theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh; chỉ đạo các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, cơ quan thường trực Hội đồng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua đã phát động tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của phong trào; chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

2. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; Giám đốc Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức hội từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua, tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn, chủ động phát hiện, lựa

chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và tổ chức chính trị - xã hội các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn;

b) Tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ quốc phòng - an ninh trên địa bàn;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện, đề xuất những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua, đề nghị thủ trưởng cơ quan cùng cấp khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh: Tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh, tổ chức các cụm, khối thi đua; tặng Cờ thi đua, Bằng khen cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức; tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trên phạm vi toàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tham mưu thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức phát động, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình; xét, đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng:

a) Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng;

b) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn tổ chức, hoạt động của khối, cụm thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng gửi các đơn vị trong khối thi đua của tỉnh trước ngày 01/11 hàng năm; trực tiếp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền.

6. Các cơ quan thông tin truyền thông

a) Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; nêu gương cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tốt phong trào thi đua trên địa bàn; phát hiện, phản ánh, giới thiệu các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, những cách làm hay, sáng tạo trong công tác thi đua, khen thưởng để phổ biến, nhân rộng, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước ngày càng thiết thực, hiệu quả;

b) Phản ánh kịp thời những đơn vị, địa phương chưa hoặc không tổ chức phong trào thi đua yêu nước, tổ chức thi đua không thiết thực, kém hiệu quả; xét khen thưởng các đối tượng không có tác dụng nêu gương hoặc khen thưởng không đúng quy định của pháp luật, cũng như những vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

c) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức cuộc thi “Báo chí viết về gương “người tốt, việc tốt”, “điển hình tiên tiến” trong phong trào thi đua yêu nước” trên địa bàn.

Điều 10. Việc xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và các quy định sau:

1. Việc xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng toàn tỉnh của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh đánh giá, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

2. Hội đồng sáng kiến cơ quan, đơn vị, địa phương (gọi tắt là Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở) có nhiệm vụ giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và xét đề nghị các hình thức khen thưởng.

3. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, cấp cơ sở do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác.

4. Giải pháp được tặng “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; giải pháp đạt giải nhất, nhì trong cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên được xem xét, công nhận sáng kiến để làm căn cứ xét danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp định kỳ báo cáo kết quả công tác thi đua, khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

1. Báo cáo quý: Trước ngày 20 của tháng cuối quý;
2. Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm: Trước ngày 15/6;
3. Báo cáo tổng kết năm: Trước ngày 05/12;
4. Các cơ quan cấp tỉnh được UBND tỉnh giao chủ trì triển khai thực hiện các phong trào thi đua: “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Doanh nghiệp Hà Tĩnh hội nhập và phát triển”; các cơ quan cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các phong trào thi đua chuyên đề có phạm vi thực hiện trong các ngành, lĩnh vực và toàn tỉnh, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua theo thời gian quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Cá nhân được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tùy vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 14. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

3. Tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có mô hình mới, được bình xét, suy tôn từ các khối, cụm thi đua.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong các cụm, khối thi đua của tỉnh. Việc lựa chọn tập thể tiêu biểu xuất sắc để tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh giữa các đơn vị trong cụm, khối thi đua đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đảm bảo đủ các điều kiện tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao, tập thể thật sự tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;
- c) Có nhân tố mới, mô hình mới về kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh (đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có nhiều đột phá, phát triển nhanh, bền vững) trong phạm vi toàn tỉnh để các tập thể khác học tập.

2. Cơ cấu, số lượng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” vào dịp tổng kết năm như sau:

- a) Cụm, khối thi đua thuộc tỉnh
 - Cụm, khối thi đua thuộc tỉnh dưới 10 đơn vị, mỗi cụm, khối 01 cờ; khối thi đua có từ 10 đến 18 đơn vị, mỗi khối không quá 02 cờ; khối thi đua từ 19 đơn vị trở lên, mỗi khối không quá 03 cờ.
 - Trong trường hợp cùng một khối thi đua có nhiều đơn vị xuất sắc tiêu biểu, trên cơ sở đề xuất của Khối thi đua và Hội đồng - Thi đua khen thưởng tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định số lượng Cờ thi đua cho các đơn vị trong khối.
- b) Cụm, khối thi đua thuộc cấp huyện
 - Cụm thi đua các đơn vị hành chính cấp xã: Đơn vị cấp huyện có dưới 16 đơn vị hành chính cấp xã, mỗi đơn vị 01 cờ; đơn vị cấp huyện có từ 16 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, mỗi đơn vị không quá 02 cờ.
 - Khối các ban Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện: mỗi huyện 01 cờ.
 - Khối các phòng, ban, trung tâm, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, mỗi huyện 01 cờ.
- c) Ngành Giáo dục và Đào tạo:
 - Khối các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở: Mỗi địa phương cấp huyện suy tôn và bình chọn mỗi bậc học 01 trường dẫn đầu phong trào thi đua để đề nghị UBND tỉnh xem xét tặng cờ. Địa phương cấp huyện có dưới 10 trường mỗi bậc học thì suy tôn và bình chọn 01 trường để đề nghị UBND tỉnh xem xét tặng cờ đối với cả 3 bậc học.
 - Khối các trường Trung học phổ thông, không quá 03 cờ.
- d) Ngành Y tế
 - Khối các bệnh viện, chi cục, trung tâm tuyến tỉnh: 01 cờ;
 - Khối các bệnh viện tuyến huyện: 01 cờ.

đ) Các cơ quan cấp tỉnh, tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh, doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn: Lựa chọn và đề nghị 01 cờ cho đơn vị trực thuộc dẫn đầu phong trào thi đua.

e) Phong trào thi đua Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: Không quá 02 cờ;

g) Phong trào thi đua Quyết thắng khởi quân sự: Không quá 02 cờ;

h) Phong trào Bảo vệ an ninh biên giới, bờ biển: 01 cờ;

i) Quỹ tín dụng nhân dân trên toàn tỉnh: 01 cờ;

k) Hợp tác xã trên toàn tỉnh: 02 cờ.

3. Cờ thi đua của UBND tỉnh xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề do chủ tịch UBND tỉnh phát động (được quy định cụ thể trong kế hoạch tổ chức phong trào).

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm theo quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 19. Các danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và “Đơn vị quyết thắng”

1. Đối với lực lượng Dân quân tự vệ thực hiện theo Thông tư của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ.

2. Đối với lực lượng Công an xã, thị trấn, Bảo vệ dân phố thực hiện theo Thông tư của Bộ Công an về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, thị trấn, Bảo vệ dân phố và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh phối hợp với UBND huyện, thành phố, thị xã xét tặng và đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu trên đây bảo đảm đúng quy trình, tiêu chuẩn.

4. Hằng năm, tùy vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị đề nghị số lượng tập thể xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

Điều 20. Danh hiệu thi đua khác

Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn Văn hóa”, “Làng Văn hóa”, “Bản Văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND

ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh quy định thang điểm xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Quy định chung về khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và các quy định sau:

1. Thành tích đạt được đảm bảo phù hợp với từng mức, hạng, hình thức khen thưởng; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức khen thưởng cao; không nhất thiết phải khen theo tuần tự từ thấp đến cao; không cộng dồn thành tích đã khen ở lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Đối với “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng phải có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mốc thời gian khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Quy định 25 năm, 10 năm, 05 năm, 02 năm trở lên để làm mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo. Thời gian tính khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian tính khen thưởng lần sau tính theo thời gian ban hành quyết định lần trước;

b) Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng lộ trình và đề nghị khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

Điều 22. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. “Huân chương Sao vàng” được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” được thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, Nhì, Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17, 18 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, Nhì, Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. “Huân chương Dũng cảm” được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

7. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 23. Kỷ niệm chương và Huy hiệu

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.
2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tên, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu của tỉnh.

Điều 24. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Hàng năm, các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh gồm: Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội cựu Chiến binh, Liên minh Hợp tác xã căn cứ các nội dung, chương trình phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tuyên truyền, phát hiện, nhân điển hình tiên tiến trong đoàn viên, hội viên, công nhân lao động, tổ chức các phong trào thi đua chuyên đề trên phạm vi toàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch thực hiện, tiêu chí đánh giá, hình thức khen thưởng; tổ chức sơ kết, tổng kết, xét khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tôn vinh.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, lập được thành tích đột xuất; cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội diễn Quốc tế, Khu vực; cá nhân đạt giải thưởng Nhà nước, giải nhất, giải A các cuộc thi sáng tác, sáng tạo cấp quốc gia; cá nhân đạt huy chương tại các giải thể thao khu vực, quốc tế, Huy chương Vàng các giải thể thao Toàn quốc; cá nhân đạt giải nhất các Hội thi quốc gia; cá nhân đạt giải Nhất, Nhì trong các Kỳ thi học sinh, giáo viên giỏi quốc gia.

Đối với tập thể đạt giải trong các kỳ thi, hội diễn quốc tế, khu vực và giải Nhất các hội thi quốc gia: Lựa chọn các cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, hộ kinh doanh có thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách thuế hàng năm. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tiêu chí, hướng dẫn các tập thể, cá nhân lập hồ sơ và tổ chức xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho cá nhân, gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

UBND cấp huyện căn cứ vào mức độ đóng góp của cá nhân, gia đình tại địa phương đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng kịp thời các đối tượng trên.

7. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho nông dân có mô hình kinh tế phát triển có hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Văn phòng Điều phối thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Hội nông dân tỉnh, UBND cấp huyện và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tiêu chí và xét duyệt, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, tổ chức trao thưởng nhân tổng kết phong trào xây dựng nông thôn mới hàng năm và giai đoạn.

8. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, tổ chức, cá nhân người nước ngoài có nhiều đóng góp, giúp đỡ đối với công tác an sinh xã hội, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh.

9. Đối với các tổ chức hoạt động bán chuyên trách, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp: Việc khen thưởng chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo Điều lệ của tổ chức; trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

10. Cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm đề nghị số lượng phòng, ban, đơn vị trực thuộc và cá nhân đạt đủ tiêu chuẩn để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen. Trong đó, số cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ, người lao động trực tiếp được xét đề nghị từ 35% trở lên trên tổng số được đề nghị khen thưởng.

Điều 25. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 74, 75 và 76 của Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 41, 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã tặng cho gia đình thực hiện theo khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã quy định mức đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội để tặng giấy khen cho gia đình.

Điều 26. Khen thưởng quá trình công hiến

1. Tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc khen thưởng quá trình cống hiến, các chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định tại Điều 41, 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định.

Chương V

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 27. Thẩm quyền xét đề nghị, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 45, 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 2, 3 Điều 4 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND tỉnh: Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng (đối với Công an xã, thị trấn, Ban bảo vệ dân phố), Bằng khen và đề nghị cấp trên khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh: Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Giấy khen và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện: Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”; Giấy khen và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch UBND cấp xã: Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen; đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và trình đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã: Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 28. Quy định chung về việc thẩm định, xét khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh: Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; tặng Cờ

thi đua của UBND tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các đơn vị trong các Khối thi đua thuộc tỉnh;

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp tham mưu giám đốc, thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Giám đốc doanh nghiệp khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thành tích khen thưởng, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng đảm bảo hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh hiệp y đề Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng theo thẩm quyền và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng các đối tượng ở địa phương thuộc tuyến trình của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, Giám đốc Doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn quản lý:

a) Chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, tiêu chuẩn trong xét tặng và đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng; chú trọng việc đánh giá, công nhận sáng kiến, hiệu quả áp dụng sáng kiến tại cấp mình;

b) Không khen thưởng và trình khen thưởng các đối tượng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

c) Đảm bảo tỷ lệ khen thưởng theo quy định.

Điều 29. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định trình cấp trên khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, khen thưởng tổng kết công tác thi đua, khen thưởng toàn tỉnh hàng năm.

2. Trước khi trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng cho các cá nhân thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có văn bản đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xem xét cho ý kiến.

3. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phát hiện để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo khoản 6 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ đối với nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. Sau khi có kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng lấy ý kiến Nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh) trong thời gian 07 ngày làm việc trước khi trình Chủ tịch nước tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

7. Khi đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cơ quan trình khen thưởng gửi hồ sơ, báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước).

8. Trong một hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua có quy định các tiêu chuẩn khác nhau, mỗi tiêu chuẩn phải báo cáo thành tích khác nhau. Cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng theo tiêu chuẩn nào thì báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn đó; hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải đủ căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và của Quy chế này.

9. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, các đơn vị thuộc khối thi đua của tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về thủ tục, nội dung hồ sơ trình UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

Điều 30. Tuyển trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, biên chế và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan do Bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế, quỹ lương; các doanh nghiệp Trung ương, các doanh nghiệp thuộc các tổng công ty không do tỉnh quyết định thành lập đóng trên địa bàn; chi nhánh các Ngân hàng: Trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham gia phong trào thi đua của địa phương hoặc lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp nào, do Văn phòng Hội

đồng nhân dân cấp đó tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Liên đoàn Lao động tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho tập thể và cá nhân thuộc liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành, công đoàn tổng công ty tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm.

5. Đối với các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh, do Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Riêng đối với cá nhân là thành viên của Hội đang công tác kiêm nhiệm thì kết hợp thành tích công tác năm và do cơ quan, đơn vị quản lý cá nhân đó đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch UBND các cấp khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng;

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước: UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; tuyên trình khen thưởng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này.

7. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến các cơ quan liên quan về tôn giáo, xem xét tham mưu UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức thuộc giáo hội.

8. Khen thưởng quá trình cống hiến: Cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, lập hồ sơ, có xác nhận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước khi trình UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh). Sau khi

thông qua và có ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) cho ý kiến trước khi tham mưu UBND tỉnh trình cấp trên khen thưởng.

9. Đơn vị được phân công làm trưởng Cụm, Khối thi đua của tỉnh trình khen thưởng cho các tập thể là thành viên thuộc Cụm, Khối thi đua thông qua bình xét vào dịp tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm.

10. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài có thành tích đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ngành, địa phương, đoàn thể nào thì Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND địa phương đó quyết định khen thưởng, trường hợp tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng

Điều 31. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến hiệp y đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thuộc Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý về những nội dung sau:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể;

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh).

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện việc xin ý kiến hiệp y khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đối với các trường hợp trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng khi cần thiết (việc khen thưởng tập thể, cá nhân người nước ngoài, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải lấy ý kiến Sở Ngoại vụ trước khi tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản, cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 05 ngày làm việc nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 32. Quy định thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định hồ sơ

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng thời gian như sau:

a) Thời điểm trình Chủ tịch UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2. Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 30/6 hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chậm nhất ngày 31/10 hàng năm.

b) Thời điểm tiếp nhận hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được và danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” bắt đầu từ 15/11 hàng năm và chậm nhất ngày 31/12 hàng năm. Thời điểm tiếp nhận hồ sơ của ngành Giáo dục và Đào tạo bắt đầu từ ngày 10/6 và chậm nhất ngày 05/7 hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chậm nhất vào ngày 31/3 hàng năm đối với hồ sơ trình Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và chậm nhất vào ngày 30/6 hàng năm đối với hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/9 hàng năm.

c) Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh đề trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh từ tháng 11 năm trước đến trước ngày 01/01 của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trước ngày 28/02 của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

d) Việc xem xét hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và khen thưởng tổng kết công tác thi đua, khen thưởng toàn tỉnh thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 33. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ và danh mục thủ tục hành chính do UBND tỉnh công bố.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp huyện hàng năm có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ

tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên toàn tỉnh.

Điều 35. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xây dựng nội dung, chương trình, giáo trình, tài liệu và hàng năm tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

2. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng; cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức.

Điều 36. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra việc tổ chức các phong trào thi đua, thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng. Qua đó, kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, địa phương.

2. Hàng năm, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua, thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 96, 97, 98 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 78, 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 38. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan cấp tỉnh; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng doanh nghiệp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan cấp tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng doanh nghiệp là cơ quan tham mưu cho thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, giám đốc doanh nghiệp về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch;

c) Chánh Văn phòng hoặc Trưởng các phòng làm công tác tổ chức cán bộ các cơ quan cấp tỉnh, doanh nghiệp; Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện là Ủy viên thường trực, các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Văn phòng hoặc các phòng làm công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan cấp tỉnh là thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan cấp tỉnh; Phòng Nội vụ là thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 39. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 64, 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 40. Sử dụng, quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc sử dụng và quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể bằng 02 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua mà thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 41. Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức tiền thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng và tôn vinh khác của tỉnh không thuộc quy định của Luật Thi đua, khen thưởng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương VIII

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 42. Tổ chức cụm, khối thi đua

Việc tổ chức và chỉ đạo hoạt động của cụm, khối thi đua cấp tỉnh do UBND tỉnh thực hiện. Các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức khối thi đua cho các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, tình hình thực tế địa phương và đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu UBND tỉnh tổ chức cụm, khối thi đua, bảo đảm phù hợp và hoạt động có hiệu quả.

Điều 43. Hoạt động của cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua có nhiệm vụ:

1. Xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động để thi đua giữa các đơn vị thành viên với nhau.

2. Tổ chức phát động và ký giao ước thi đua; tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm về tổ chức phong trào thi đua, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến giữa các đơn vị trong cụm, khối.

3. Tổng hợp, đánh giá phong trào thi đua; bình xét, suy tôn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong cụm, khối thi đua.

Điều 44. Trách nhiệm của Trưởng cụm, khối, Phó Trưởng cụm, khối

1. Trưởng cụm, khối là đơn vị chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng về tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua, có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và quy chế tổ chức hoạt động để đẩy mạnh phong trào thi đua; tổ chức ký giao ước thi đua trong cụm, khối;

b) Xây dựng và thống nhất tiêu chí thi đua, thang điểm để bình xét thi đua phù hợp với đặc điểm của cụm, khối;

c) Tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối;

d) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổng hợp kết quả thi đua của cụm, khối và xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;

e) Trưởng cụm, khối phân công bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình tổng hợp phong trào thi đua, công tác khen thưởng của cụm, khối.

2. Phó trưởng cụm, khối có trách nhiệm phối hợp và giúp trưởng cụm, khối thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 45. Trách nhiệm của các đơn vị thành viên cụm, khối thi đua

1. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị để xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng của đơn vị.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, xây dựng thang bảng điểm cụ thể, thực hiện nguyên tắc công khai, công bằng và chính xác trong chấm điểm, suy tôn đơn vị tiêu biểu.

3. Tổng hợp tình hình và kết quả thi đua, tiến hành sơ, tổng kết, bình bầu đơn vị dẫn đầu phong trào, nhân rộng điển hình tiên tiến.

4. Tham gia đầy đủ các hoạt động của cụm, khối thi đua và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 46. Bình xét thi đua trong cụm, khối

1. Các đơn vị tự chấm điểm trên cơ sở các tiêu chí và thang bảng điểm đã được khối thống nhất.

2. Bộ phận chuyên môn phụ trách công tác thi đua, khen thưởng giúp trưởng cụm, khối rà soát bảng điểm của từng đơn vị, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh.

3. Tại phiên họp tổng kết công tác thi đua cuối năm, lãnh đạo các đơn vị trong cụm khối thảo luận thống nhất đánh giá, nhận xét chung của cụm, khối và của từng đơn vị; trên cơ sở đó suy tôn đơn vị tiêu biểu của cụm, khối. Nếu có nhiều đơn vị bằng điểm thì tiến hành bỏ phiếu.

4. Tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua được đề nghị UBND tỉnh tặng Cờ thi đua. Đơn vị đứng thứ nhì cụm, khối thi đua hoặc đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong từng lĩnh vực có thể đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể được bình xét dẫn đầu các cụm, khối thi đua được đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Chính phủ”, số lượng đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể được bình xét dẫn đầu cụm, khối thi đua.

Chương IX

MẪU HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG, NGHI THỨC TRAO TẶNG VÀ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, LƯU TRỮ HỒ SƠ

Điều 47. Mẫu, bằng khen, giấy khen, huy hiệu, giấy chứng nhận khen thưởng, báo cáo thành tích

1. Mẫu bằng khen, giấy khen, huy hiệu, giấy chứng nhận khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, quản lý cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng và Nghị định số 101/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, quản lý cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

2. Mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo quy định tại phần Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 48. Nghi thức trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước; trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

Việc tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 49. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến của các cơ quan tổ chức và Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24/10/2011 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 50. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh và văn bản của Trung ương, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ở cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quyền quản lý.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp, đề nghị các cấp, các ngành phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Quốc Khánh